

Bản án số: 118/2024/HS-ST
Ngày 22 – 5 – 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Thanh Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Ân
2. Ông Nguyễn Trí Dũng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Mai Trường An - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 127/2024/TLST-HS, ngày 12 tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 125/2024/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Cao Trung N**; Giới tính: Nam; Sinh năm 1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: 22/4C Tổ 8, Ấp 5, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Thanh T và bà Nguyễn Thị C; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2023. (có mặt)

2. Họ và tên: **Trần Văn H**; Giới tính: Nam; Sinh năm 1997 tại tỉnh Kiên Giang; Nơi thường trú: Ấp V, xã B, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn N1 và bà Trần Ngọc Đ; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/7/2023. (có mặt)

3. Họ và tên: **Tôn Thanh H1**; Giới tính: Nam; Sinh năm 1991 tại tỉnh Đồng Nai; Nơi thường trú: 402 Lô A, chung cư C, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh. Nơi cư trú: không nơi cư trú nhất định; Nghề nghiệp: Không; Trình độ

văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Tôn Chiến Th (đã chết) và bà Võ Thị Ph (đã chết); Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/9/2023. (có mặt)

* *Bị hại:* Ông Dương Tuấn H2, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Ấp B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (có mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1993 - Chủ hộ kinh doanh V; Nơi cư trú: Ấp 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An - (vắng mặt)

2/ Bà Phan Thị X, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt)

3/ Ông Nguyễn Minh Kh, sinh năm 1988 - Chủ hộ kinh doanh cửa hàng Kiều O; Nơi cư trú: Ấp 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

4/ Công ty TNHH Vàng bạc đá quý Kim Thành Ph; Địa chỉ: 853 đường C, ấp 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1979; (có mặt)

5/ Ông Phan Quốc D, sinh năm 1996 - Chủ hộ kinh doanh T3; Nơi cư trú: 847 đường C, ấp 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt)

6/ Ông Hà Đ, sinh năm 1990 (vắng mặt)

7/ Bà Mai Thị Ch, sinh năm 1969 - Chủ hộ kinh doanh H4 (có mặt)

Nơi cư trú: 23 ấp 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An.

7/ Ông Tô Thành T, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

8/ Bà Bùi Hồng V, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ấp 1, xã H, huyện Đ, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cao Trung N, Trần Văn H và Tôn Thanh H1 cùng làm việc ở đoàn “lô tô” Hoàng Anh tại bãi đất trống thuộc ấp 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An. Khoảng 12 giờ ngày 03/7/2023, do không có tiền tiêu xài nên N và H rủ nhau đi Cướp giật tài sản bán lấy tiền tiêu xài. Lúc này, N và H mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 62P1-836.13 của Tôn Thanh H1 rồi H điều khiển xe chở N đi lòng vòng qua các tuyến đường để tìm tài sản cướp giật. Khi cả hai lưu thông đến trước địa chỉ 5M45 đường An Hạ thuộc Ấp 5, xã P, huyện B thì nhìn thấy ông Dương Tuấn H2 đang điều khiển xe mô tô lưu thông cùng chiều, trong túi áo bên ngực trái của ông H2 có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71 nên cả hai quyết định cướp giật chiếc điện thoại này. Ngay sau đó, H điều khiển xe chạy áp sát vào bên trái ông

H2 để N dùng tay phải giật được chiếc điện thoại rồi cả hai nhanh chóng tăng ga tẩu thoát hướng về Long An. Đến 20 giờ 15 phút cùng ngày, ông H2 đến trình báo Công an xã Phạm Văn Hai lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh điều tra, xử lý.

Sau khi N và H cướp giật được điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71, cả hai đi đến gần cửa hàng điện thoại V thuộc ấp Bình Tiên 2, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hoà, tỉnh Long An do ông Nguyễn Văn H3 làm chủ. Tại đây, N và H kiểm tra điện thoại di động vừa giật được của ông H2 thì phát hiện điện thoại không cài mật khẩu mở khoá và xem trong tin nhắn Cloud của Zalo thấy có lưu sẵn mật khẩu và mã OTP tài khoản Ngân hàng BIDV của ông H2 nên đã đăng nhập vào ứng dụng Ngân hàng này. N và H phát hiện số dư trong tài khoản Ngân hàng BIDV của ông H2 là 57.000.000 đồng nên cả hai nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền trong tài khoản của ông H2. N và H thực hiện thao tác đăng nhập, chuyển số tiền 10.000.000 đồng từ tài khoản của ông H2 sang tài khoản số 102875808189, ngân hàng VietinBank của N. Sau đó, N và H vào tiệm điện thoại V thực hiện thao tác đăng nhập, chuyển số tiền 40.000.000 đồng từ tài khoản của ông H2 sang tài khoản số 7899999996789, ngân hàng MBBank của ông H3 và nhờ ông H3 rút số tiền 40.000.000 đồng vừa chuyển rồi trả phí rút tiền 70.000 đồng cho ông H3. Còn lại 7.000.000 trong tài khoản của ông H2, N thực hiện thao tác đăng nhập, chuyển số tiền 6.500.000 đồng sang tài khoản số 102875808189, ngân hàng VietinBank của N. N và H tiếp tục đi đến hộ kinh doanh Kiều O địa chỉ ấp 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An do ông Nguyễn Minh Kh làm chủ thực hiện thao tác lệnh chuyển số tiền 15.050.000 đồng từ tài khoản của N sang tài khoản số 3979777799999 ngân hàng MBBank của bà Phan Thị X (vợ ông Kh), trong đó số tiền mặt cả hai nhờ ông Kh rút là 15.000.000 đồng và số tiền phí trả cho ông Kh là 50.000 đồng. Còn lại số tiền 1.450.000 đồng trong tài khoản của N, N chuyển vào tài khoản Momo của N qua số điện thoại 0938005160 và tiêu xài hết.

Sau khi rút được số tiền 55.000.000 đồng thì N và H đến tiệm vàng Kim Thành Ph địa chỉ 853 Cây Dương, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An do ông Lê Văn T1 làm chủ mua 01 nhẫn hột màu trắng vàng 18K giá 9.000.000 đồng; 01 dây chuyền vàng dạng móc xích và 01 mặt dây chuyền có chữ Phước vàng 18K giá 14.000.000 đồng và 01 dây chuyền vàng 18K dạng móc xích mặt hình hoa mai gắn đá giá 8.000.000 đồng và 01 chiếc lắc tay vàng 18K giá 12.000.000 đồng. Tổng số tiền N và H mua vàng là 43.000.000 đồng; tiêu xài chung hết số tiền 1.000.000 đồng, còn lại 11.000.000 đồng rồi cả hai quay về đoàn lô tô Hoàng Anh. Trên đường đi, N đã đánh rơi mất sợi dây chuyền vàng 18K dạng móc xích mặt hình hoa mai gắn đá ở đâu không rõ.

Khi gặp Tôn Thanh H1 để trả lại xe mô tô biển số 62P1-836.13, N và H kể lại chuyện vừa cướp giật được điện thoại di động và chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng trên điện thoại của ông H2 để mua vàng cho H1 nghe và đề nghị H1 bán lại xe với giá 30.000.000 đồng thì H1 đồng ý. Do không đủ tiền mặt nên N và H đưa số vàng có được từ việc phạm tội cho H1 gồm 01 nhẫn hột màu trắng

vàng 18K giá 9.000.000 đồng; 01 dây chuyền vàng dạng móc xích và 01 mặt dây chuyền có chữ Phước vàng 18K giá 14.000.000 đồng, 01 lắc tay vàng 18K giá 12.000.000 đồng, 02 hoá đơn mua bán vàng cùng số tiền 5.000.000 đồng để trả tiền mua xe.

Đến 15 giờ cùng ngày, N và H đem chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71 cướp giật được đến cửa hàng điện thoại T3 địa chỉ 847 Cây Dương, ấp 1, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An bán với giá 2.500.000 đồng.

Đến khoảng 10 giờ ngày 04/7/2023, H1 gọi điện báo sự việc phạm tội của N và H đã bị Công an phát hiện và yêu cầu N và H trả lại xe cho H1 nhưng H1 chỉ trả lại sợi dây chuyền có 01 mặt dây chuyền có chữ Phước vàng 18K giá 14.000.000 đồng do số tiền 5.000.000 đồng H1 đã tiêu xài cá nhân hết. Đối với chiếc nhẫn vàng 18K gắn hột màu trắng và chiếc lắc tay vàng 18K thì H1 đã đem đến tiệm vàng Kim Thành Ph bán được 16.000.000 đồng và cất giữ. N và H nhận dây chuyền vàng do H1 trả lại rồi đem đến tiệm vàng Kim Thành Ph bán lại với giá 12.000.000 đồng, sau đó cả hai đến hộ kinh doanh H4 địa chỉ 23 Ấp Bình Tiền 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An và mua 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner biển số 70L1-802.75 với giá 22.500.000 đồng. Do không đủ tiền nên N và H thỏa thuận đưa trước 20.500.000 đồng rồi cả hai điều khiển xe bỏ trốn lên tỉnh Bình Dương thì bị lực lượng chức năng kiểm tra bắt giữ tại nhà nghỉ M thuộc Tổ 16, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Đến ngày 08/7/2023, H1 nghe tin N và H bị bắt nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh đầu thú và giao nộp xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 62P1-836.13 cùng số tiền 16.000.000 đồng.

Kết luận định giá tài sản số 3537/KL-HĐĐGTS ngày 29/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Bình Chánh xác định:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71 trị giá 1.900.000 đồng.
- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 62P1-836.13 trị giá 20.655.000 đồng.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh, Cao Trung N, Trần Văn H và Tôn Thanh H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, lời khai của N, H và H1 phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Cáo trạng số 23/CT-VKS ngày 02/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố các bị cáo Cao Trung N và Trần Văn H về tội “Cướp giật tài sản” và tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 và điểm d khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2017). Truy tố

bị cáo Tôn Thanh H1 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh đã truy tố. Các bị cáo thành khẩn khai báo và có thái độ ăn năn hối cải. Các bị cáo không tranh luận và lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171 và điểm đ khoản 2 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Cao Trung N** từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và từ 3 năm đến 3 năm 6 tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo chấp hành là từ 07 năm đến 08 năm tù.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn H** từ 4 năm đến 4 năm 6 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt chung của hai tội buộc bị cáo chấp hành là từ 07 năm đến 08 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo **Tôn Thanh H1** từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi bất chính là 5.000.000 đồng để sung Ngân sách Nhà nước.

Về dân sự:

- Bị hại Dương Tuấn H2 đã nhận lại điện thoại bị chiếm đoạt và yêu cầu bị cáo N và H bồi thường số tiền 56.500.000 đồng, và tại phiên tòa các bị cáo N và H đồng ý bồi thường số tiền này cho ông H2 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Người liên quan Phan Quốc D yêu cầu bị cáo N và H trả lại số tiền 2.500.000 đồng là tiền ông Dũng đã bỏ ra để mua điện thoại, và tại phiên tòa các bị cáo N và H khai đồng ý trả lại số tiền này cho ông Dũng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Đề nghị ghi nhận các bị cáo đồng ý liên đới trả số tiền 2.000.000 đồng mua xe còn thiếu cho bà Ch.

Về vật chứng:

+ Đề nghị ghi nhận quá trình điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71 cho bị hại ông Dương Tuấn H2.

+ Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 01 đôi dép quai nhựa màu đỏ đen số 42 (thu giữ của Trần Văn H); 01 đôi dép nhựa màu hồng, số 3 và 01 túi xách màu đen (thu giữ của Cao Trung N);

+ Đề nghị tịch thu, sung Ngân sách Nhà nước đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21 cùng 02 thẻ sim thu giữ của Cao Trung N;

+ Trả lại cho bị cáo Tôn Thanh H1 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 62P1-836.13.

+ Đề nghị giao số tiền 16.000.000 đồng thu giữ của H1 cho ông Dương Tuấn H2.

+ Đề nghị trả cho bị cáo Cao Trung N 01 Căn cước công dân số 079099012706 mang tên Cao Trung N cấp ngày 29/12/2023

+ Đề nghị giao cho cơ quan thi hành án tiến hành đăng tin tìm chủ sở hữu và xử lý theo quy định đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner biển số 70L1-802.75 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số 003358 (xe mô tô Honda Winner X biển số 70L1-802.75), tên chủ xe Tô Thành T, cấp ngày 21/7/2020.

+ Đề nghị lưu theo hồ sơ vụ án đối với 01 USB hiệu Toshiba màu trắng chứa video ghi nhận hình ảnh vụ cướp giật tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Bình Chánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, đương sự không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được và kết quả tranh luận tại phiên tòa, có đủ căn cứ kết luận hành vi phạm tội cụ thể của các bị cáo như sau:

[2.1] Vào ngày 03/7/2023, tại trước địa chỉ 5M45 đường An Hạ thuộc Ấp 5, xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Cao Trung N và Trần Văn H đã có hành vi điều khiển xe mô tô biển số 62P1-836.13 công khai cướp giật 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71 trị giá 1.900.000 đồng của ông Dương Tuấn H2 trong khi ông H2 đang điều khiển xe mô tô tham gia giao thông trên đường rồi nhanh chóng tẩu thoát.

[2.2] Sau khi chiếm đoạt được điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A71, các bị cáo Cao Trung N và Trần Văn H có hành vi tiến hành thao tác, sử dụng

thông tin tài khoản có lưu sẵn mật khẩu và mã OTP tài khoản Ngân hàng của ông H2 trong tin nhắn Cloud của Zalo đăng nhập vào ứng dụng tài khoản ngân hàng BIDV của ông H2 cài đặt trên điện thoại để chiếm đoạt số tiền 56.500.000 đồng của ông Dương Tuấn H2.

Như vậy, với kết quả điều tra bổ sung đã xác định các bị cáo sử dụng mã truy cập của ông H2, được lưu giữ không phải trong ứng dụng đăng nhập tài khoản ngân hàng mà trong tin nhắn Cloud của Zalo mà không được sự cho phép của ông H2 truy cập vào tài khoản của ông H2 để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, như vậy các bị cáo có hành vi truy cập bất hợp pháp vào tài khoản của người khác.

[2.3] Do vậy hành vi này của các bị cáo Cao Trung N và Trần Văn H đã phạm vào tội: “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” và chiếm đoạt tài sản có giá trị của tổng các lần chiếm đoạt là 56.500.000 đồng nên thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và tội “Cướp giật tài sản” thuộc trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xét về vai trò đồng phạm, hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Không có sự câu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ giữa các bị cáo Cao Trung N và Trần Văn H khi thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo N là người trực tiếp thực hiện các hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại, còn bị cáo H là đồng phạm giúp sức có vai trò tích cực. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ xem xét vai trò đồng phạm của từng bị cáo khi quyết định hình phạt.

[2.4] Đối với hành vi phạm tội của Tôn Thanh H1:

Mặc dù không hứa hẹn trước, nhưng khi biết rõ 01 nhẫn vàng 18K, 01 dây chuyền vàng 18K, 01 lắc tay vàng 18K và số tiền 5.000.000 đồng là tài sản do N và H phạm tội mà có nhưng Tôn Thanh H1 vẫn bán xe mô tô biển số 62P1-836.13 cho N và H để lấy số vàng và tiền trên; đồng thời giữa giá mua và bán xe có sự chênh lệch lớn hơn giá bán xe; lời khai ban đầu “khi mượn xe N có nói mượn xe của H1 đi kiếm tiền” tuy nhiên quá trình điều tra tiếp theo không có biện pháp làm rõ lời khai này để xác định vai trò đồng phạm của H1 và các bị cáo thay đổi lời khai, không có tài liệu chứng cứ nào khác nên chỉ đủ cơ sở kết luận Tôn Thanh H1 đã phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tuy nhiên, cần căn cứ lời khai này để xem xét xử lý vật chứng là chiếc xe thu giữ của H1 đã được sử dụng vào việc cướp giật tài sản.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra các bị cáo phải chịu. Riêng bị cáo Tôn Thanh H1 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện ra đầu thú và giao vật chứng cho cơ quan điều tra nên còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo H và N 03 lần đăng nhập vào tài khoản ngân hàng chiếm đoạt số tiền của bị hại ông Dương Tuấn H2 trong tài khoản ngân hàng (lần thứ nhất N và H chiếm đoạt 10.000.000 đồng; lần thứ 2 N và H chiếm đoạt 40.000.000 đồng và lần thứ 3 chiếm đoạt số tiền 6.500.000 đồng). Tuy nhiên, tại khoản 2 Điều 290 Bộ luật hình sự có quy định phạm tội hai lần trở lên là tình tiết định khung nhưng tổng tài sản các lần chiếm đoạt mới trên 50.000.000 đồng do vậy không có căn cứ áp dụng tình tiết tăng nặng đối với các bị cáo.

[4] Đối với Lê Văn T1 (đại diện của Công ty TNHH Vàng bạc đá quý Kim Thành Ph), bà Mai Thị Ch (chủ hộ kinh doanh H4), Phan Quốc D (chủ hộ kinh doanh T3), Nguyễn Văn H3 (chủ hộ kinh doanh V) và Nguyễn Minh Kh (chủ hộ kinh doanh Kiều O) có giao dịch về tài sản với N và H nhưng tất cả đều không biết các tài sản là do N và H phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bình Chánh không xem xét xử lý.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Dương Tuấn H2 đã nhận lại điện thoại bị chiếm đoạt và yêu cầu bị cáo N và H bồi thường số tiền 56.500.000 đồng, và tại phiên tòa các bị cáo N, H khai đồng ý liên đới bồi thường số tiền này cho ông H2 sau khi trừ đi số tiền mà H1 đang chiếm giữ (16.000.000 đồng bị thu giữ do bán vàng) nên Hội đồng xét xử ghi nhận, buộc các bị cáo Cao Trung N, Trần Văn H liên đới bồi thường theo phần cho ông Dương Tuấn H2 số tiền 40.500.000 đồng, cụ thể:

+ Bị cáo Cao Trung N phải bồi thường cho ông Dương Tuấn H2 số tiền: 20.250.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bị cáo Trần Văn H phải bồi thường cho ông Dương Tuấn H2 số tiền: 20.250.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

[5.2] Người liên quan Phan Quốc D yêu cầu bị cáo N và H hoàn trả lại số tiền 2.500.000 đồng là tiền ông Dũng đã bỏ ra để mua điện thoại, và tại phiên tòa các bị cáo N và H khai đồng ý liên đới hoàn trả số tiền này cho ông H2, do đó buộc các bị cáo N và H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phan Quốc D số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể, mỗi bị cáo phải trả lại cho ông Phan Quốc D 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

[5.3] Đối với Lê Văn T1 (đại diện Công ty TNHH Vàng bạc đá quý Kim Thành Ph), Nguyễn Văn H3 (chủ hộ kinh doanh V) và Nguyễn Minh Kh (chủ hộ kinh doanh cửa hàng Kiều O) không có yêu cầu gì trong vụ án nên không xem xét.

[6] Xử lý vật chứng:

[6.1] Lưu theo hồ sơ vụ án đối với: 01 USB hiệu Toshiba màu trắng chứa video ghi nhận hình ảnh vụ cướp giật tài sản, được lưu giữ cùng hồ sơ vụ án.

[6.2] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner biển số 70L1-802.75 (thu giữ của Cao Trung N) do Tô Thành T đứng tên Giấy đăng ký xe. Qua xác minh, ông T không có mặt tại địa phương nên chưa lấy được lời khai của ông T. Xét thấy, xe này các bị cáo N và H mua của hộ kinh doanh H4 với giá 22.500.000

đồng. Các bị cáo đã thanh toán trước 20.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 2.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Mai Thị Ch chủ hộ kinh doanh H4 trình bày xe trên bà nhận cầm đồ của chủ xe theo Hợp đồng cầm đồ ngày 18/01/2023 có chữ ký của đại diện tiệm cầm đồ và chủ xe. Sau khi hết thời hạn cầm đồ theo hợp đồng nhưng chủ xe không đến để liên hệ nhận xe và theo Hợp đồng cầm đồ thì xác định chủ xe đã bỏ xe không có quyền nhận lại nên tiệm cầm đồ có quyền bán xe này cho bị cáo N và H. Nay bà yêu cầu các bị cáo N và H liên đới trả số tiền 2.000.000 đồng mua xe còn thiếu cho bà, bà sẽ trả lại các giấy tờ gồm 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số 003358 (xe mô tô Honda Winner X biển số 70L1-802.75), tên chủ xe Tô Thành T, cấp ngày 21/7/2020 và 01 căn cước công dân mang tên Cao Trung N.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai đồng ý yêu cầu này nên buộc các bị cáo N và H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mai Thị Ch số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), cụ thể, mỗi bị cáo phải trả lại cho bà Mai Thị Ch 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Đối với xe 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner biển số 70L1-802.75 (thu giữ của Cao Trung N), xét thấy trả lại xe này cho các bị cáo N và H nhưng cần tiếp tục kê biên tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án của các bị cáo N và H trong vụ án.

Giao 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số 003358 (xe mô tô Honda Winner X biển số 70L1-802.75), tên chủ xe Tô Thành T, cấp ngày 21/7/2020 và 01 căn cước công dân mang tên Cao Trung N cho cơ quan thi hành án để xử lý cùng với xe Honda Winner biển số 70L1-802.75, riêng căn cước công dân mang tên Cao Trung N trả lại cho bị cáo Cao Trung N.

Đối với tranh chấp phát sinh (nếu có) giữa chủ Hộ kinh doanh H4 và chủ xe liên quan đến việc cầm đồ sẽ được giải quyết theo thủ tục dân sự trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[6.3] Đối với 01 đôi dép nhựa màu hồng, số 3 và 01 túi xách màu đen thu giữ của Cao Trung N; 01 đôi dép quai nhựa màu đỏ đen số 42 (thu giữ của Trần Văn H): Tài sản này có giá trị không lớn, để lâu không còn giá trị sử dụng, các bị cáo khai không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu, tiêu hủy.

[6.4] Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21 cùng 02 thẻ sim số 0336.193.350 và số 0938.005.160: Xét thấy, tài sản này liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên tịch thu sung Ngân sách Nhà nước.

[6.5] Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 62P1-836.13 (thu giữ của Tôn Thanh H1) do bà Bùi Hồng V đứng tên trên Giấy đăng ký xe. Vào tháng 3/2023, bà V đã bán xe trên cho Tôn Thanh H1. Như đã phân tích nêu trên, xe này

là vật chứng của vụ án, do bị cáo H1 có lỗi trong việc giao xe này cho các bị cáo đi tìm tài sản chiếm đoạt nên tịch thu, sung Ngân sách Nhà nước.

[6.6] Đối với số tiền 16.000.000 đồng thu giữ của Tôn Thanh H1: Xét thấy, nguồn gốc số tiền này là của bị hại Dương Tuấn H2 nên trả lại cho bị hại Dương Tuấn H2.

Đối với số tiền 5.000.000 đồng mà Tôn Thanh H1 khai đã tiêu xài hết, xét thấy, cần buộc bị cáo H1 nộp lại số tiền này để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo Cao Trung N và Trần Văn H trong việc bồi thường thiệt hại cho bị hại Dương Tuấn H2.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm: Mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Riêng bị cáo N, H còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171 và điểm đ khoản 2 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Cao Trung N**: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt của 02 tội là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2023.

2. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 171 và điểm đ khoản 2 Điều 290; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Trần Văn H**: 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và 04 (bốn) năm tù về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt của 02 tội là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2023.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 và 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo **Tôn Thanh H1**: 02 (hai) năm tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Thời hạn tù tính từ ngày 20/9/2023.

4. Căn cứ Điều 357, Điều 584, 589 Bộ luật dân sự;

4.1. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo H, N tại phiên tòa, buộc các bị cáo Cao Trung N, Trần Văn H liên đới bồi thường theo phần cho ông Dương Tuấn H2 số tiền 40.500.000 đồng (bốn mươi triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể:

+ Bị cáo Cao Trung N phải bồi thường cho ông Dương Tuấn H2 số tiền: 20.250.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Bị cáo Trần Văn H phải bồi thường cho ông Dương Tuấn H2 số tiền: 20.250.000 đồng (Hai mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày ông Dương Tuấn H2 có đơn yêu cầu thi hành án các bị cáo chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì phải trả thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

4.2. Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo H, N tại phiên tòa, buộc các bị cáo N và H có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho ông Phan Quốc D số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), cụ thể, mỗi bị cáo phải trả lại cho ông Phan Quốc D 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

4.3. Buộc bị cáo N và H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Mai Thị Ch số tiền 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), cụ thể, mỗi bị cáo phải trả lại cho bà Mai Thị Ch 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Đối với tranh chấp phát sinh (nếu có) giữa chủ Hộ kinh doanh H4 và chủ xe liên quan đến việc cầm đồ sẽ được giải quyết theo thủ tục dân sự trong vụ án khác khi có yêu cầu.

5. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

5.1. Trả lại cho các bị cáo N và H 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Winner biển số 70L1-802.75 nhưng tiếp tục kê biên tạm giữ để đảm bảo việc thi hành án của các bị cáo trong vụ án.

5.2. Tịch thu tiêu hủy: Đối với 01 đôi dép nhựa màu hồng, số 3 và 01 túi xách màu đen thu giữ của Cao Trung N; 01 đôi dép quai nhựa màu đỏ đen số 42 (thu giữ của Trần Văn H).

5.3. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21 cùng 02 thẻ sim số 0336.193.350 và số 0938.005.160; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter biển số 62P1-836.13 (thu giữ của Tôn Thanh H1).

(Các vật chứng trên đang giữ tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 04/01/2024 giữa Công an huyện Bình Chánh và Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh).

5.4. Giao trả cho bị hại Dương Tuấn H2 số tiền 16.000.000 đồng thu giữ của Tôn Thanh H1. Số tiền này đang giữ tại Kho bạc Nhà nước huyện Bình Chánh theo Giấy nộp tiền ngày 04/01/2024, số tài khoản người nhận 6440203000010 tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Nam Thành phố Hồ Chí Minh, người nộp tiền là ông Trần Đức Tuấn.

5.5. Buộc bị cáo Tôn Thanh H1 nộp lại số tiền 5.000.000 đồng để đảm bảo việc thi hành án phần bồi thường thiệt hại cho bị hại Dương Tuấn H2 của các bị cáo N và H.

5.6. Giao 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số 003358 (xe mô tô Honda Winner X biển số 70L1-802.75), tên chủ xe Tô Thành T, cấp ngày 21/7/2020 và 01 căn cước công dân mang tên Cao Trung N cho cơ quan Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh để xử lý cùng với xe Honda Winner biển số 70L1-802.75, riêng căn cước công dân mang tên Cao Trung N trả lại cho bị cáo Cao Trung N (các vật chứng này đang lưu theo hồ sơ vụ án).

5.7. Lưu theo hồ sơ vụ án đối với: 01 USB hiệu Toshiba màu trắng chứa video ghi nhận hình ảnh vụ cướp giật tài sản (vật chứng này đang lưu cùng hồ sơ vụ án).

6. Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Mỗi bị cáo N, H, H1 chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Cao Trung N và Trần Văn H: Mỗi bị cáo phải chịu 1.012.500 đồng (một triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 6a, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Bình Chánh;
- Bị cáo; đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- Trại tạm giam Chí Hòa; Trại giam T30;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bình Chánh;
- Lưu: Vp, Hồ sơ vụ án (TP. Lâm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thanh Lâm



